

Bản án số: 06/2019/PT- HNGĐ
Ngày: 28/8/2019.
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Vân.

Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”.

Do Bản án sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vương Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 01, thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Vương Thị T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 01, thôn H, xã T, V, tỉnh Hà Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Vương Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Vương Văn T trình bày: Anh và chị Vương Thị T1 được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày 15/11/2000. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014, từ năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tại thời điểm năm 2015, anh cần tiền để đi học nên vợ chồng đã bàn bạc bán đất tại Tổ 7, phường N, thành phố H nhưng chị T1 không đồng ý, từ đó dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng

ngày càng trầm trọng. Từ năm 2016, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai, hai người sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có một con chung là cháu Vương Huyền T2, sinh ngày 04/10/2001. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng anh tại Tổ 01, thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Vương Thị T1 trình bày: Chị xác nhận quá trình kết hôn, điều kiện kết hôn, trình trạng mâu thuẫn của vợ chồng là đúng theo lời trình bày của anh T nhưng theo chị về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh T, anh chửi bới đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà dẫn đến vợ chồng không chung sống cùng nhau, không thường xuyên quan tâm chăm sóc nhau nhưng chị cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, nhưng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn nên chị không nhất trí ly hôn với anh T, chị có nguyện vọng vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau để cùng nhau chăm sóc con.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Vương Huyền T2, sinh ngày 04/10/2001. Chị xác nhận hiện nay cháu T2 đang ở với anh T tại Tổ 01, thôn H, xã T, huyện V, do không nhất trí ly hôn nên chị không có ý kiến, không có yêu cầu về giải quyết con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa chị có ý kiến nếu Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu chia tài sản chung cụ thể: Tại văn bản ghi ý kiến của chị đối với người khởi kiện ngày 18/7/2018 và tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 23/8/2018 chị có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn gồm đất, tài sản gắn trên đất và một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, tiền công sức. Do yêu cầu của chị chưa nêu cụ thể về giá trị tài sản nên ngày 26/12/2018 Tòa án nhân dân huyện V có Thông báo số 1785/2018/TB-TA yêu cầu chị cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung. Tại bản khai ngày 14/01/2019 chị có yêu cầu chia tài sản và nêu giá trị của mỗi loại tài sản. Sau khi xem xét yêu cầu chia tài sản của chị T1 Tòa án đã ra Thông báo số 182/TB-TA ngày 26/02/2019 yêu cầu chị nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn. Sau khi gửi thông báo thì chị không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, Tòa án có triệu tập chị nhiều lần đến Tòa án để làm việc, đến ngày 09/5/2019 thì chị T1 đến Tòa án để làm việc, Tòa án tiến hành ghi lời khai của chị T1 về việc lý do chị không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án, chị T1 trình bày đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 182/TB-TA ngày 26/02/2018 về việc nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án không nhớ nhận được ngày nào nhưng vào khoảng tháng 3 năm 2019. Lý do chị không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án vì chị không có tiền để nộp, mặt khác giấy tờ (bìa đỏ) diện tích đất ở phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang

đang bị người khác chiếm giữ nên chị T1 đã không nộp được tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019, chị T1 không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để giải quyết về tài sản theo yêu cầu của chị T1.

Tại Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V đã Quyết định: Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Vương Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn T được ly hôn chị Vương Thị T1.

Về con chung: Giao cháu Vương Huyền T2, sinh ngày 04/10/2001 cho anh Vương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh T không yêu cầu chị T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Chấp nhận ý kiến của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 24/5/2019, chị Vương Thị T1 có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện V với lý do chị không nhất trí ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Vương Thị T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị trình bày: Hiện nay chị bị bệnh động kinh, nhà trường đã cho chị nghỉ để đi điều trị bệnh dài ngày theo Quyết định của UBND huyện Vị Xuyên; lúc không bị phát bệnh thì chị vẫn nhận thức, sinh hoạt và đi làm các công việc bình thường, khi bị phát bệnh thì phải có người bên cạnh để hỗ trợ chị; do đó chị muốn có chồng và con chăm sóc, chị không muốn con chị sống vắng cha, hoặc vắng mẹ, chị mong muốn được quay lại đoàn tụ với anh T. Về kinh tế chị vẫn đang hưởng lương của nhà trường chi trả hàng tháng với mức lương 5.100.000đ/tháng, ngoài ra chị có kinh doanh mở nhà hàng bán giải khát là bia, đồng thời chị có cho thuê nhà mỗi tháng là 2 triệu đồng tại phường N, thành phố H.

Ngoài ra, chị T1 còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hành vi của anh T đánh chị T1 nhiều lần và gây thương tích cho chị.

Anh Vương Văn T trình bày: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của chị T1, vợ chồng anh hiện nay mâu thuẫn rất trầm trọng, không có sự tôn trọng

nhau, không thể hàn gắn được, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang:
Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/ST-HNGĐ ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Chị T1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2017/ NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong thời hạn quy định bị đơn chị Vương Thị T1 kháng cáo, nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn chị Vương Thị T1 không nhất trí ly hôn với anh Vương Văn T và xin được nuôi cháu T2, xét thấy: Trong cuộc sống và sinh hoạt gia đình, anh T và chị T1 thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, không có sự tôn trọng nhau, có hành vi bạo lực gia đình và cả những người thân trong gia đình; mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được thôn, xã phối hợp tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh T, chị T1 sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa anh T, chị T1 đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, có căn cứ xác định vợ, chồng anh T, chị T1 trong cuộc sống đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại Quyết định số 828/QĐ-UBND, ngày 21/4/2017 của UBND huyện V đã cho chị Vương Thị T1 được nghỉ việc đi chữa bệnh, kể từ ngày 24/4/2017 cho đến khi sức khỏe hồi phục bình thường. Tại Biên bản giám định y khoa số 24/GĐYK-KNLĐ, ngày 29/5/2018 của Hội đồng giám định y khoa - Sở Y tế tỉnh Hà Giang xác định: Chị Vương Thị T1 có tiền sử điều trị bệnh động kinh từ năm 2003, tại thời điểm giám định được xác định động kinh toàn thể có rối loạn cảm xúc, điều trị ổn định, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 49% , đề nghị cơ quan bố trí sắp xếp công việc phù hợp. Tại sổ điều trị bệnh mãn tính của chị Vương Thị T1 khám bệnh từ ngày 08/11/2017 đến ngày 8/5/2019, chị T1 đã điều trị bệnh, uống thuốc hàng tháng, bệnh tình đã ổn định, không bị tái phát. Tại phiên tòa, chị T1

khai chi đã được đi điều trị bệnh tại Bệnh viện và đi giám định y khoa, hiện nay bệnh tình của chi đã ổn định, nhận thức, sinh hoạt và đi làm các công việc bình thường, không yêu cầu phải đi giám định lại; chi vẫn đang được hưởng lương từ nhà trường với mức lương 5.100.000đ/tháng, chi cho thuê nhà được 2.000.000đ/tháng, ngoài ra chi còn mở nhà hàng kinh doanh giải khát bia. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và toàn diện quá trình chung sống, điều kiện kinh tế, bệnh tật của chi T1 và mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chi T1, quyết định cho anh Vương Văn T và chi Vương Thị T1 được ly hôn là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chi T1 đề nghị được nuôi cháu T2, xét thấy tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019, cháu Vương Huyền T2 sinh ngày 04/10/2001 có nguyện vọng ở với bố là anh Vương Văn T; cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Vương Huyền T2 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hiện nay cháu T2 đã được 17 tuổi 10 tháng, sắp đủ 18 tuổi là người trưởng thành, trường hợp chi T1 có nguyện vọng chăm sóc cháu T2 thì chi vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc hoặc khi chi T1 bị phát bệnh cần cháu T2 chăm sóc vẫn có thể gọi cháu T2 đến nhà để hỗ trợ chăm sóc cho chi mà không ai được ngăn cản.

Quá trình giải quyết phúc thẩm và tại phiên tòa, chi T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của anh T đã đánh đập chi T1 nhiều lần, gây thương tích cho chi, xét thấy: Tại cấp sơ thẩm chi T1 không có yêu cầu cấp sơ thẩm giải quyết về nội dung này, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Nếu chi Tuyển có đầy đủ các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh T đã đánh đập chi nhiều lần và gây thương tích cho chi thì chi T1 có quyền làm đơn khởi kiện anh T bằng một vụ kiện dân sự tại Tòa án hoặc làm đơn gửi đến Công an huyện V để xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của chi T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

[3] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của chi T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chi T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Vương Thị T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn T được ly hôn với chị Vương Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Vương Huyền T2, sinh ngày 04/10/2001 cho anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Vương Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vương Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 01929 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Chị Vương Thị T1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu vào số tiền tạm ứng án phí chị T2 đã nộp theo Biên lai thu số 02254 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS H.V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan

